

Bản án số: 05/2018/HS-ST

Ngày 09-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Ging A Khua

Ông Nguyễn Quang Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. *Vàng A C*, sinh năm 1984 tại huyện Q, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Đăng ký thường trú tại bản P, xã K, huyện Q, tỉnh Sơn La; chỗ ở tại thôn G, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng A S (đã chết) và bà Giàng Thị A; có vợ là Mùa Thị X và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 16/2012/HSST ngày 20/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán người"; bị bắt tạm giữ ngày 18/3/2017, tạm giam ngày 21/3/2017 hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. *Phàn Văn Ph* (tên gọi khác Phàn Lao Y), sinh năm 1989 tại huyện Th, tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Bản T, xã S, huyện Th, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàn Chử H và bà Phàn Tả M1; có vợ là Ly Tả L và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm

giữ ngày 22/02/2017, trả tự do ngày 28/02/2017, bắt ngày 05/12/2017, hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Đinh Gia H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Lý Thị V, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Bản Ch, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Chị Lý Thị C1, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Bản Ch, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu tháng 02/2017, Vàng A C đi tìm vợ ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận huyện Th, tỉnh Lai Châu thì gặp và quen một người đàn ông tên Gi người dân tộc Mông ở Trung Quốc, cả hai cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khoảng 01 tuần sau khi quen C thì Gi gọi điện thoại đặt vấn đề với C về việc tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc để Gi lấy làm vợ, Gi sẽ trả cho C số tiền là 2.000 nhân dân tệ, C đồng ý. Ngày 16/02/2017, C đi chợ thị trấn I, huyện M, tỉnh Yên Bái thì gặp chị Lý Thị V, C làm quen với chị V và rủ chị V đi Lai Châu chơi. Ngày 17/02/2017, chị V gọi điện thoại cho C và nói sẽ rủ thêm một người nữa đi cùng. C hẹn chị V ngày 18/02/2017 ra đón xe ô tô khách chuyển 14 giờ đi Lai Châu, 13 giờ cùng ngày C đi đến bản B, xã Nh, huyện M, tỉnh Yên Bái thì gặp chị V và chị Lý Thị C1. Cùng lúc này Gi gọi điện thoại cho C hỏi đã tìm được người chưa, C trả lời đã tìm được hai người, Gi nói C cứ đưa đến bến xe khách tỉnh Lai Châu, Gi sẽ cho người đến đón nếu đưa được sang Trung Quốc sẽ trả cho C 4.000 nhân dân tệ.

Khoảng 16 giờ cùng ngày 18/02/2017, Gi nói nhờ Phan Văn Ph là người làm thuê cho Gi ở Trung Quốc và một thanh niên tên S1 đến bến xe khách tỉnh Lai Châu để đón và chở bạn của Gi sang Trung Quốc, Ph đồng ý, đồng thời Gi đưa cho Ph 960.000 đồng để đổ xăng và trả tiền xe khách cho bạn của Gi. Sau đó Ph và S1 đi về nhà Ph đến khoảng 20 giờ Ph và S1 mỗi người đi một xe mô tô đến bến xe khách tỉnh Lai Châu để đón và đưa bạn của Gi sang Trung Quốc cho Gi. Trên đường đi, Gi gọi điện cho Ph và nói “chúng mày đón hai người phụ nữ với một người đàn ông, đón được thì về tao cho 2.000 nhân dân tệ”, Ph hỏi lại “Đón hai phụ nữ về để làm gì?” thì được Gi trả lời “để bán”. Khi đến bến xe khách tỉnh Lai Châu, Phan Văn Ph trả tiền xe khách cho Vàng A C và các chị Lý Thị V, Lý Thị C1 theo lời dặn của Gi. Sau khi ăn uống xong, Phan Văn Ph chở C còn S1 chở chị V và chị C1 bằng xe mô tô đi đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, khi đi đến khu vực cột mốc 68 thuộc bản Ng, xã S huyện Th, tỉnh Lai Châu thì chị V và chị C1 phát hiện mình bị lừa nên đã chạy trốn vào rừng, C và S1 đuổi theo để tìm bắt lại, Gi từ bên Trung Quốc đi sang nói với Ph “...về đến đây rồi không lừa được qua suối thì chúng mày không được tiền”. Sau khi

bỏ trốn, đến trưa ngày 19/02/2017 thì được người dân đưa đến nhà trưởng bản, chị V và chị C1 đã làm đơn tố cáo gửi Đoàn Biên phòng D thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-P2 ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Vàng A C và Phan Văn Ph (tên gọi khác Phan Lao Y) về tội “Mua bán người” theo quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vàng A C và Phan Văn Ph phạm tội “Mua bán người”.

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vàng A C từ 8 đến 9 năm tù.

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 58 và Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phan Văn Ph từ 6 đến 7 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa chị Lý Thị V không yêu C1 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chị Lý Thị C1, yêu C1 các bị cáo bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm. đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các quy định của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Về vật chứng và án phí. Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của Vàng A C. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, không bào chữa, tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát truy tố và việc áp dụng pháp luật đối với các bị cáo. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C là người trực tiếp lừa dối, dụ dỗ người bị hại để đưa sang Trung Quốc bán, nên C giữ vai trò chính trong vụ án; các bị cáo chưa đưa được chị V và chị C1 sang Trung Quốc để bán nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt; bị cáo Ph phạm tội lần đầu; bị cáo C, lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”; các bị cáo đều không có tài sản gì; các bị cáo chưa gây thiệt hại đáng kể về vật chất và tinh thần cho người bị hại; chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo C đã sử dụng để liên lạc trong việc thực hiện hành vi mua bán người. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51,

Điều 58 và Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vàng A C 8 năm tù; áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phan Văn Ph từ 5 đến 6 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; không buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại; tịch thu sung quỹ Nhà nước điện thoại thu giữ của bị cáo C.

Tại phiên tòa người bị hại là chị Lý Thị V không yêu C1 các bị cáo bồi thường gì; chị Lý Thị C1 vắng mặt nhưng trong đơn đề nghị có yêu C1 bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn Biên phòng D tỉnh Lai Châu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Th, Kiểm sát viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Vàng A C và Phan Văn Ph tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Vàng A C dùng thủ đoạn rủ chị Lý Thị V, Lý Thị C1 đi sang tỉnh Lai Châu chơi để lừa đưa sang Trung Quốc bán cho người đàn ông tên Gi. Khoảng 14 giờ ngày 18/2/2017 C đón xe khách đưa chị V và chị C1 từ huyện M tỉnh Yên Bái đi tỉnh Lai Châu, khi đi đến bến xe khách tỉnh Lai Châu thì Phan Văn Ph và người thanh niên tên S1 đến đón trả tiền xe khách sau đó cùng với C đưa chị V, C1 sang Trung Quốc bán cho một người đàn ông tên là Gi và Gi hứa sẽ trả cho C 4.000 nhân dân tệ, Ph và S1 2.000 nhân dân tệ. Khi đến bờ suối cột mốc số 68 biên giới Việt Nam - Trung Quốc thì chị V và chị C1 phát hiện bị lừa bán sang Trung Quốc nên đã bỏ chạy thoát. Hành vi nêu trên của các bị cáo Vàng A C và Phan Văn Ph đã phạm vào tội “Mua bán người”, cùng một lần C và Ph thực hiện hành vi phạm tội đối với hai người và để đưa ra nước ngoài nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với hai tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến

đánh dự, nhân phẩm của những người bị hại, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của chị Lý Thị V và chị Lý Thị C1, coi họ như một món hàng để mua bán, trục lợi bất chính.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Vàng A C là người trực tiếp làm quen với chị Lý Thị V và chị Lý Thị C1 sau đó rủ các chị đi Lai Châu chơi và lừa đưa hai chị sang Trung Quốc bán, trực tiếp gọi điện thoại liên lạc với Gi và bán hai chị cho Gi để nhận 4.000 nhân dân tệ. Bị cáo Phan Văn Ph là người được Gi nhờ sang Việt Nam đón C và chị V, chị C1 biết việc C và Gi đưa chị V, chị C1 sang Trung Quốc bán nhưng vẫn giúp C, Gi thực hiện hành vi mua bán người để lấy 2.000 nhân dân tệ từ Gi. Do đó, Bị cáo Vàng A C là người khởi xướng, thực hành tích cực giữ vai trò chính sau đó đến bị cáo Phan Văn Ph. Do đó, C giữ vai trò chính nên cần có mức hình phạt cao hơn so với P.

[5] Năm 2012 Vàng A C bị Tòa án nhân tỉnh Lai Châu xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán người” là tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 cần được xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo C vừa mới chấp hành xong hình phạt tù về tội “Mua bán người”, ngay sau đó lại phạm tội “Mua bán người”, bị cáo Ph sau khi thực hiện hành vi phạm tội đến nay cũng chưa có hành động tích cực gì đối với người bị hại. Do đó, không được coi là “ăn năn hối cải” theo như đề nghị của người bào chữa.

[7] Các bị cáo thực hiện hành vi đưa chị V và chị C1 sang Trung Quốc để bán, nhưng khi đến bờ suối giáp biên giới Việt Nam - Trung quốc thì chị V và Chị C1 phát hiện nên đã bỏ chạy. Việc các bị cáo không đưa chị V và chị C1 sang Trung quốc để bán là ngoài ý muốn của các bị cáo nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt vì vậy cũng cần áp dụng Điều 18 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo khi quyết định mức hình phạt.

[8] Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Thấy cần phải có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội các bị cáo gây ra và cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Các bị cáo chưa thu lợi được từ việc phạm tội và thuộc diện hộ nghèo không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên người bị hại là chị Lý Thị V không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Lý Thị C1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về

danh dự, nhân phẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị C1 là phù hợp với quy định của pháp luật, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị C1 một khoản tiền tổn thất về tinh thần bằng 04 tháng lương cơ sở là 5.200.000 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường 1/2.

[11] Đối với người đàn ông tên Gi và người thanh niên tên là S1 có liên quan đến việc mua bán chị V, chị C1, quá trình điều tra không xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể, do đó không cơ sở để xử lý trong vụ án.

[12] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Vàng A C các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

[13] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, những người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Vàng A C và Phan Văn Ph (tên gọi khác Phan Lao Y) phạm tội “Mua bán người”.

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 18 và khoản 1, khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Vàng A C 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 18/3/2017.

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 18 và khoản 1, khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Ph (tên gọi khác Phan Lao Y) 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt là ngày 05/12/2017 và được trừ thời gian tạm giữ là 08 (tám) ngày.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 587, 592 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị Lý Thị C1 cụ thể như sau:

Bị cáo Vàng A C phải bồi thường cho chị Lý Thị C1 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng; bị cáo Phan Văn Ph phải bồi thường cho chị Lý Thị C1 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu C1 thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A150, màu đen đã cũ, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vàng A C, Phan Văn Ph, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và chị Lý Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lý Thị C1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu C1 thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TAND Tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người bị hại;
- Thi hành án hình sự (05);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Việt Hà